

Phụ lục II
BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 12 NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Nam Định)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
1	01.0001	Thóc tẻ thường	Thóc tẻ dao, Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
2		Gạo tẻ thường	Gạo tẻ dao, Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
3	01.0002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	16.000	16.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
4	01.0003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg	Giá bán lẻ	46.000	49.000	3.000	6,5	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
5	01.0004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg	Giá bán lẻ	85.000	85.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
6	01.0005	Thịt bò thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	235.000	235.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
7	01.0006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/ cái	đ/kg	Giá bán lẻ	240.000	240.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
8	01.0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	90.000	90.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
9	01.0008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lông, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
10	01.0009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	125.000	125.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
11	01.0010	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
12	01.0011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	40.000	40.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
13	01.0012	Tôm rào, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
14	01.0013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	Giá bán lẻ	17.000	10.000	(7.000)	(41,2)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
15	01.0014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	10.000	(5.000)	(33,3)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
16	01.0015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	17.000	15.000	(2.000)	(11,8)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
17	01.0016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	25.000	25.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
18	01.0017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	5.000	5.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
19	01.0018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/kg	Giá bán lẻ	53.000	53.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Dầu đậu nành Simply
20	01.0019	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	22.000	22.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
21	01.0020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sữa bột Dielac Anpha Gold IQ step 3, hộp thiếc 400gram (dùng cho trẻ từ 1-2 tuổi),	đ/hộp	Giá bán lẻ	134.640	134.640	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá tại Cửa hàng Giác mơ sữa Việt
22	01.0021	Gạo nếp thường (hạt tròn, địa phương)		đ/kg	Giá bán lẻ	23.000	22.000	(1.000)	(4,4)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
23	01.0022	Thịt lợn mông sấn (heo đũi)		đ/kg	Giá bán lẻ	80.000	80.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
24	01.0023	Thịt lợn ba chỉ (heo ba rọi), loại ba chỉ		đ/kg	Giá bán lẻ	80.000	80.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
25	01.0024	Gà ta làm sẵn nguyên con, bỏ lòng		đ/kg	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
26	01.0025	Vịt còn sống, loại 1-1,5kg/con		đ/kg	Giá bán lẻ	45.000	45.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
27	01.0026	Vịt làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng		đ/kg	Giá bán lẻ	60.000	60.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
28	01.0027	Trứng gà ta không đóng gói, bán rời		đ/10 quả	Giá bán lẻ	40.000	40.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
29	01.0028	Trứng vịt, loại vừa		đ/10 quả	Giá bán lẻ	33.000	31.000	(2.000)	(6,1)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
30	02.0001	Giống lúa Khang dân đột biến, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	30.000	30.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
31	02.0002	Giống lúa Bắc thơm số 7, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	21.000	21.000			Do trực tiếp điều tra, thu thập	
32	02.0003	Giống lúa Hương thơm số 1, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	25.000	25.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
33	02.0004	Giống lúa Nếp 87, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	21.000	21.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
34	02.0005	Giống lúa Nếp 97, cấp NC	Nếp 97 của Thái Bình	đ/kg	Giá bán lẻ	21.000	21.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
35	02.0006	Giống lúa Thiên ưu 8, cấp XN1		đ/kg	Giá bán lẻ	32.000	32.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
36	02.0008	Giống lúa Đài thơm 8, cấp XN1		đ/kg	Giá bán lẻ	34.000	34.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
37	02.0020	Giống lúa lai nhị ưu 63		đ/kg	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
38	02.0021	Giống ngô HN88, cấp F1	Hạt Giống Ngô Nếp Lai F1 HN88 của Vinaseed	đ/kg	Giá bán lẻ	330.000	330.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
39	02.0025	Giống ngô HN68	Hạt Giống Ngô Nếp Lai F1 HN68 của Vinaseed	đ/kg	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
40	02.0030	Giống ngô MX10,		đ/kg	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
41	02.0031	Giống ngô LVN61		đ/kg	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
42	02.0036	Hạt giống Bắp cải Nhật Bản, cấp F1		đ/100 gram	Giá bán lẻ	1.300.000	1.300.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
43	02.0038	Hạt giống Bí xanh sắt Việt Nam, cấp xác nhận	Hạt giống bí đao chanh F1WG-9 của công ty Phú Nông, gói 200mg	đ/gói	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
44	02.0039	Hạt giống Khô qua lai VG Trung Quốc, cấp F1	Hạt giống mướp đắng F1VRDi 866 của Công ty cổ phần đổi mới và phát triển nông thôn Việt, gói 2g	đ/gói	Giá bán lẻ	13.000	13.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
45	02.0041	Hạt giống Xà lách Hải Phòng, cấp xác nhận		đ/100 gram	Giá bán lẻ	80.000	80.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
46	02.0043	Hạt giống Cải bẹ Mào gà GRQ09, cấp xác nhận		đ/100 gram	Giá bán lẻ	30.000	30.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
47	02.0044	Hạt giống Cải mơn Hoàng Mai GRQ, cấp xác nhận	Cải mơn Hoàng Mai của Phú Nông seeds, gói 20 g	Đ/gói	Giá bán lẻ	6.000	6.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
48	02.0045	Hạt giống Cải ngọt Quảng Phú Trung Quốc, cấp xác nhận	Hạt giống cải ngọt cao sản Phú Nông seeds TSOI SIM, gói 50g	Đ/gói	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
49	02.0048	Hạt giống Đậu đũa cao sản số 5 Trung Quốc, cấp xác nhận	Đậu đũa cao sản TN 107 của Trung Nông, gói 20g	đ/100 gram	Giá bán lẻ	40.000	40.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
50	02.0049	Hạt giống Đậu Tứ quý số 1 Trung Quốc, cấp xác nhận		đ/kg	Giá bán lẻ	150.000	150.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
51	02.0050	Vac-xin Lở mồm long móng		đ/liều	Giá bán lẻ	14.000	14.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Vac-xin của hãng Amavet
52	02.0051	Vac-xin Tai xanh (PRRS)		đ/liều	Giá bán lẻ	14.000	14.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Vac-xin của hãng Marphavet
53	02.0052	Vac-xin tụ huyết trùng		đ/liều	Giá bán lẻ	2.300	2.300	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Vacxin tụ huyết trùng của công ty Hanvet; Viện Thú y
54	02.0053	Vac-xin dịch tả lợn		đ/liều	Giá bán lẻ	3.500	3.500	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	vacxin của công ty cổ phần thuốc thú y trung ương Navetco
55	02.0054	Vac-xin cúm gia cầm		đ/liều	Giá bán lẻ	450	450	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	vacxin của công ty cổ phần thuốc thú y trung ương Navetco

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
56	02.0055	Vac-xin dịch tả vịt		đ/liều	Giá bán lẻ	200	200	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công ty cổ phần AVAC VIỆT NAM
57	02.0056	Thuốc thú ý	Chứa các hoạt chất: Ampicillin,	đ/kg	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Ampi Coli chứa hoạt chất Ampicillin (hãng Anova)
58	02.0057	Thuốc trừ sâu	Chứa hoạt chất Pymethrozin;	đ/gói	Giá bán lẻ	18.000	18.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Chess 50WG, chứa hoạt chất Pymethrozin (Công ty Sygenta)
59	02.0058	Thuốc trừ bệnh	Chứa hoạt chất: Isoprothiolane;	đ/lọ	Giá bán lẻ	22.000	22.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Fuan 40EC, Chứa hoạt chất: Isoprothiolane. (công ty BVTV An Giang)
60	02.0059	Thuốc trừ cỏ	Chứa hoạt chất: Glyphosate;	đ/lọ	Giá bán lẻ	22.000	25.000	3.000	13,6	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Tiguan 100ml hoạt chất Glufosinate ammonium 150g/l do hoạt chất: Glyphosate bị cấm lưu hành; (Công ty CP Nông nghiệp HP)
61	02.0060	Phân đạm urê	Có hàm lượng Nitơ (N) tổng số $\geq 46\%$;	đ/kg	Giá bán lẻ	18.000	18.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Phân đạm urê Phú Mỹ
62	02.0061	Phân NPK (bao 25kg)	Có tổng hàm lượng các chất dinh dưỡng Nitơ tổng số (Nts), lân hữu hiệu (P2O5hh), kali hữu hiệu (K2Ohh) $\geq 18\%$.	đ/bao	Giá bán lẻ	375.000	375.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Phân NPK Phú Mỹ (16-16-8), bao 25kg
63	03.0001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	4.000	4.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Nước khoáng Lavie
64	03.0002	Rượu vang nội	Chai 750ml	đ/chai 750ml	Giá bán lẻ	80.000	80.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
65	03.0003	Nước giải khát có ga	Cocacola, Thùng 24 lon 330ml	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	183.000	183.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
66	03.0004	Bia lon	Bia Hà Nội, Thùng 24 lon 330ml	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	225.000	240.000	15.000	6,7	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
67	03.0005	Bia chai Hà Nội/Sài gòn	Bia Hà Nội (đ/kết/20 chai)	đ/kết (24 chai)	Giá bán lẻ	175.000	185.000	10.000	5,7	Do trực tiếp điều tra, thu thập	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
68	03.0006	Thuốc lá 555 (Việt Nam sản xuất)		đ/bao	Giá bán lẻ	33.000	35.000	2.000	6,1	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
69	04.0001	Xi măng	PCB30 Bút Sơn, bao 50kg	đ/bao	Giá bán lẻ	82.000	82.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xi măng Bút Sơn, Giá theo Bảng giá VLXD (đã bao gồm VAT)
70	04.0002	Thép xây dựng	Thép phi 6-8 của Thái Nguyên	đ/kg	Giá bán lẻ	19.000	18.500	(500)	(2,6)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
71	04.0003	Cát xây	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	Giá bán lẻ	170.000	170.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
72	04.0004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác) (cát vàng hạt nhỏ, hạt trung)	đ/m3	Giá bán lẻ	170.000	170.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá theo Bảng giá VLXD, giá chưa bao gồm VAT, Giá tại TP Nam Định.
73	04.0005	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	Giá bán lẻ	107.000	107.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá theo Bảng giá VLXD, giá chưa bao gồm VAT, Giá tại TP Nam Định.
74	04.0006	Gạch xây	Gạch lỗ rỗng loại trung 02 lỗ (215x100x50) mm, mác gạch 7,5MPa; đường kính lỗ rỗng D28, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Giá bán lẻ	900	900	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Công ty CP SXVL&xây lắp Hải Hậu. Theo Bảng giá VLXD.
75	04.0007	Ống nhựa	Phi 90 loại 1	đ/mét	Giá bán lẻ	107.700	107.700	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Ống nhựa phi 90 (ống nhựa UPVC dán keo dùng cho cấp nước Tiền Phong- PN10).
76	04.0008	Gas đun	Loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/bình	Giá bán lẻ	435.540	410.340	(25.200)	(5,8)	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá bán kê khai tối đa đến tay người tiêu dùng Công ty cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam- CN Duyên hải
77	04.0009	Nước sạch sinh hoạt	Công ty cổ phần nước sạch và vệ sinh nông thôn (Cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn)	đ/m3	Giá bán lẻ	8.610	8.610	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá đã bao gồm VAT 5%.

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
78	04.0010	Gạch xây, gạch đặc lò gia công, mua rời tại nơi cung ứng	Gạch lỗ rỗng loại trung 02 lỗ (215x100x50) mm, mác gạch 7,5MPa; đường kính lỗ rỗng D22, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Giá bán lẻ	950	950	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Công ty CP SXVL&xây lắp Hải Hậu. Theo Bảng giá VLXD
79	04.0011	Ống nhựa phi 20		đ/mét	Giá bán lẻ	9.100	9.100	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Ống nhựa U.PVC phi 21 (PN 12.5)
80	04.0012	Ngói lợp loại 22viên/m2, loại 1, mua lẻ dưới 10m2		đ/viên	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	(ngói Viglacera Hạ Long)
81	04.0013	Sơn tường trong nhà ghi rõ nhãn hiệu (NIPPON-VATAX....), thùng 18lít, mua cả thùng	Sơn bóng nội thất E5000 của của công ty cổ phần Infor Việt Nam (thùng 19,6 kg)	đ/thùng	Giá bán lẻ	2.764.000	2.764.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Theo Bảng giá VLXD (công ty cổ phần Infor Việt Nam, giá chưa bao gồm VAT)
82	04.0014	Sơn tường ngoài nhà, ghi rõ nhãn hiệu (NIPPON, Dulux...), thùng 18lít, mua cả thùng	Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp Nano của công ty cổ phần Infor Việt Nam (thùng 20,5kg)	đ/thùng	Giá bán lẻ	2.867.300	2.867.300	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Theo Bảng giá VLXD (công ty cổ phần Infor Việt Nam, giá chưa bao gồm VAT)
83	04.0015	Công lao động phổ thông (thợ phụ nề)		đ/công	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
84	04.0016	Dầu hỏa		đ/lit	Giá bán lẻ	17.980	16.640	(1.340)	(7,5)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại cửa hàng xăng dầu từ ngày 10/12
85	04.0017	Than tổ ong cỡ vừa		đ/viên	Giá bán lẻ	3.000	3.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
86	05.0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amlodipin 10 mg	đ/ vi 10 viên	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc tim mạch Ampitin - Hoạt chất Amlodipin 10 mg (Công ty Dược Hậu Giang)
87	05.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	50.000	50.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Haginat, vi 5 viên (Công ty Dược Hậu Giang)
88	05.0003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg	đ/ vi 10 viên	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	thuốc Stugeron, Xuất xứ: Thái Lan
89	05.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	15.000	15.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Paradol, vi 12 viên, Hãng Sanofi

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
90	05.0005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	Hoạt chất N-acetylcystein 200mg	đ/ vi 10 viên	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Acetylcystein, Hãng Vidapha
91	05.0006	Thuốc vitamin và khoáng chất	Vitamin B1	đ/lọ	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc vitamin và khoáng chất- B1, 1 lọ 300 viên, Hãng Đại y
92	05.0007	Thuốc đường tiêu hóa	Hoạt chất Omeprazone 20 mg	đ/ vi 10 viên	Giá bán lẻ	4.000	4.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc đường tiêu hóa- Omicap, Xuất xứ: Ấn Độ
93	05.0008	Hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết	Hoạt chất Methyl Prednisolon 4mg hoặc Hoạt chất Gliclazid 30 mg hoặc Hoạt chất Metformin 500mg	đ/ vi 10 viên	Giá bán lẻ	13.000	13.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thuốc Medrol 4mg,Xuất xứ: Ý
94	05.0009	Thuốc khác	Hoạt chất Sulfamethoxazol 400mg	đ/vi	Giá bán lẻ	5.000	5.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công ty CP dược vật tư y tế Thanh Hóa (Vi 20 viên)
95	06.0001	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	38.700	38.700	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Bệnh viện hạng I, Nghị quyết số 66/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định
96	06.0002	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	226.500	226.500	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Bệnh viện hạng I, bệnh nội khoa loại 1 quy định tại Nghị quyết số 66/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019
97	06.0003	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	43.900	43.900	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
98	06.0004	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	65.400	65.400	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Áp dụng cho 1 vị trí

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
99	06.0005	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	43.100	43.100	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
100	06.0006	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	32.800	32.800	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
101	06.0007	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	244.000	244.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
102	06.0008	Hàn composite cô răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	337.000	337.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
103	06.0009	Châm cứu (có kim ngắn)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	65.300	65.300	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
104	06.0019	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	30.000	30.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá kê khai của Phòng khám Đình Cự (Khám bệnh, kê đơn); Bệnh viện Sài Gòn- Nam Định: 150.000đ/lượt
105	06.0020	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/kg	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Từ thống kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Bệnh viện Sài Gòn- Nam Định

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
106	06.0021	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá kê khai của Phòng khám Đình Cự (Siêu âm bụng tổng quát); Bệnh viện Sài Gòn- Nam Định: 120.000đ/lượt
107	06.0022	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	70.000	70.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá kê khai của Phòng khám Đình Cự (Chụp X-Q cột sống cổ)
108	06.0023	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Theo giá dịch vụ niêm yết của Bệnh viện Sài Gòn- Nam Định (giá dịch vụ xét nghiệm cận nước tiểu)
109	06.0024	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	30.000	30.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá kê khai của Phòng khám Đình Cự
110	06.0025	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	180.000	180.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá kê khai của Phòng khám Đình Cự (nội soi dạ dày)
111	06.0026	Hàn composite cổ răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	350.000	350.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Theo Giá kê khai của Bệnh viện Sài Gòn- Nam Định: Phục hồi cổ răng bằng Composite
112	06.0027	Châm cứu (có kim dài)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt	Giá bán lẻ	72.300	72.300	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Bệnh viện Sài Gòn- Nam Định (giá dịch vụ Măng châm)
113	07.0001	Trông giữ xe máy		đ/lượt	Giá bán lẻ	4.000	4.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
114	07.0002	Trông giữ ô tô		đ/lượt	Giá bán lẻ	10.000	10.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
115	07.0003	Giá cước ô tô đi đường dài	Chọn 1 tuyến phổ biến, xe đường dài máy lạnh	đ/vé	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
116	07.0004	Giá cước xe buýt công cộng	Đi trong nội tỉnh, dưới 30km	đ/vé	Giá bán lẻ	20.000	20.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Nam Định Big C - Trục Khang tuyến 7 (cách 1 chặng)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
117	07.0005	Giá cước taxi	Lấy giá 10km đầu, loại xe 4 chỗ	đ/km	Giá bán lẻ	13.500	13.500	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	hãng taxi Mai Linh từ km 0,5 đến km20, xe Toyota Vios
118	07.0006	Xăng E5 Ron 92		đ/lit	Giá bán lẻ	24.130	22.520	(1.610)	(6,7)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại các cửa hàng xăng dầu
119	07.0007	Xăng Ron 95	Xăng Ron 95-III	đ/lit	Giá bán lẻ	25.480	23.250	(2.230)	(8,8)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
120	07.0008	Dầu Diesel	Dầu Diesel 0,05S-II	đ/lit	Giá bán lẻ	19.080	17.670	(1.410)	(7,4)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
121	07.0009	Xe ô tô 4 chỗ hãng TOYOTA mới, ghi rõ năm sản xuất	Xe ô tô Toyota Vios 1,5MT, năm 2021	Đ/chiếc	Giá bán lẻ	478.000.000	478.000.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại Website đại lý xe Toyota tại Nam Định.
122	07.0010	Xe máy HONDA, LD, nhãn Wave RS, 1 IOcc	Xe RSX, vành nan hoa, bản phanh cơ	đ/xe	Giá bán lẻ	22.500.000	22.500.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí
123	07.0011	Xe máy ga, nhãn Lead 125cc Honda	Xe máy ga, nhãn Lead 125cc Honda, bản tiêu chuẩn	đ/xe	Giá bán lẻ	40.000.000	41.000.000	1.000.000	2,5	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí
124	07.0012	Xe đạp điện (hiệu hãng, xuất xứ...)	Xe đạp điện Vina Thai (Xmen-Sport)	đ/chiếc	Giá bán lẻ	6.226.000	6.226.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Giá bán tối thiểu đã bao gồm VAT theo thông báo của Công ty CP Vina Thái (Cụm CN An Xá-Nam Định)
125	07.0013	Ắc quy ô tô hiệu Bosch hoặc tương đương		đ/chiếc	Giá bán lẻ	1.300.000	1.300.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Ắc quy Bosh (38B19LS/NS40L,3 5AH)
126	07.0014	Dầu xe máy, can nhựa 0,75ml, hiệu SHELL		đ/lit	Giá bán lẻ	105.000	105.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Shell Advance 4T AX7 10W40 Synthetic Based (nhớt xe số)
127	07.0015	Bảo dưỡng toàn bộ xe máy, chỉ tính công thợ		đ/công	Giá bán lẻ	200.000	200.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công bảo dưỡng xe ga
128	08.0001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập		đ/người/tháng	Giá bán lẻ	130.000	130.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khu vực thành thị là 130.000 đ; khu vực nông thôn là 90.000 đ.
129	08.0002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)		đ/người/tháng	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khu vực thành thị là 100.000 đ; khu vực nông thôn là 70.000 đ.

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
130	08.0003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)		đ/người/tháng	Giá bán lẻ	130.000	130.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khu vực thành thị là 130.000 đ; khu vực nông thôn là 90.000 đ.
131	08.0004	Dịch vụ giáo dục đào tạo nghề công lập		đ/người/tháng	Giá bán lẻ	320.000	320.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khối ngành khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông lâm thủy sản thuộc trường trung cấp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư
132	08.0006	Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập		đ/người/tháng	Giá bán lẻ	370.000	370.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Trường cao đẳng công lập cao đẳng - Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông lâm, thủy sản thuộc tỉnh quản lý (áp dụng theo NQ số 16/2021/NQ-HĐND)
133	08.0008	Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc tương đương đại học công lập		Đồng/tín chi	Giá bán lẻ	340.000	340.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Đại học sư phạm kỹ thuật Nam Định (đối với khối ngành kỹ thuật tuyển sinh trước năm 2019)
134	08.0009	Vở (tập) ô ly học sinh (ghi rõ số trang)	Vở ô ly hồng hà 48 trang	đ/quyển	Giá bán lẻ	10.000	10.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
135	08.0010	Giấy trắng ram, khổ A4, Bãi Bằng		đ/ram	Giá bán lẻ	65.000	65.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
136	08.0011	Bút bi Thiên Long, một màu		đ/chiếc	Giá bán lẻ	4.000	4.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
137	09.0001	Du lịch trọn gói trong nước	Nam Định-Sầm Sơn (2 ngày, 1 đêm bằng ô tô, khách sạn 03 sao)	đ/chuyến	Giá bán lẻ	1.700.000	1.700.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công ty cổ phần du lịch Tasco
138	09.0002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi	đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	490.000	490.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khách sạn Sơn Nam, Nam Định (giá đã bao gồm VAT)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
139	09.0003	Phòng nhà khách tư nhân	1 giường, điều hoà, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín	đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
140	09.0004	Phí thuê bao truyền hình cáp (của TH địa phương)	Gói Truyền Hình Cáp Thông Thường (VTVcab)	đ/tháng	Giá bán lẻ	88.000	88.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
141	09.0005	Phí thuê bao Internet hàng tháng (giá của TH địa phương)	Gói cước Internet Home1 của VNPT	đ/tháng	Giá bán lẻ	165.000	165.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
142	09.0006	Vé bơi lội (người lớn)		đ/lượt	Giá bán lẻ	30.000	30.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
143	09.0007	Thuê sân đá bóng theo giờ		đ/lượt	Giá bán lẻ	400.000	400.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
144	09.0009	Vé xem phim tại rạp, loại bình thường, ghế hạng A	Rạp Lottle, Suất chiếu sau 17h từ thứ 2 đến thứ 5, vé người lớn 2D ghế tiêu chuẩn	đ/vé	Giá bán lẻ	75.000	75.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
145	09.0010	Du lịch trọn gói đi Thái Lan hoặc tương đương, cho 1 người chuyển 4 ngày 3 đêm.	(NAM ĐỊNH - HÀ NỘI – BANGKOK - PATTAYA 05 ngày 04 đêm tại khách sạn 3 sao, hàng không giá rẻ)	đ/chuyến	Giá bán lẻ	7.450.000	7.450.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Công ty cổ phần du lịch Tasco (thời điểm hiện tại, đơn vị chưa tổ chức các chuyến du lịch nước ngoài)
146	10.0001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	đ/chỉ	Giá bán lẻ	5.242.000	5.245.000	3.000	0,1	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
147	10.0002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đ/USD	Giá bán lẻ	22.775	23.046	271	1,2	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
148	11.0001	Máy điều hòa nhiệt độ, lấy một nhãn hiệu, 1 chiều 9000 PTU, Model.....,hàng VN lắp, phụ kiện TQ, không kể công lắp và phụ kiện lắp máy vào nhà	Panasonic 1 chiều 9000BTU CS-N9WKH-8M	đ/chiếc	Giá bán lẻ	9.190.000	9.190.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart, Điện máy xanh
149	11.0002	Tủ lạnh 2 cửa, 150lít-200 lít, ghi rõ nhãn hiệu Samsung, LG, Toshiba, Model...	Tủ lạnh Toshiba 180L Inverter GR-B22VU(UKG)	đ/chiếc	Giá bán lẻ	5.490.000	5.490.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart
150	11.0003	Máy giặt lồng đứng 7kg, tự động, (ghi rõ Model, nhãn hiệu)	MÁY GIẶT 7 Kg TOSHIBA AW-A800SV/WB lồng đứng	đ/chiếc	Giá bán lẻ	3.590.000	3.590.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị MediaMart Nam Định
151	11.0004	Máy giặt lồng ngang 7kg, tự động, (ghi rõ Model, nhãn hiệu)	Máy giặt LG lồng ngang 8kg FM1208N6W	đ/chiếc	Giá bán lẻ	6.990.000	6.990.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart;

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
152	11.0005	Máy bơm nước gia đình, (ghi rõ Model, nhãn hiệu, công suất...)	Máy bơm nước gia đình, Panasonic GP 200 JXX; xuất xứ Nhật Bản; công suất 200w	đ/chiếc	Giá bán lẻ	1.480.000	1.480.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart
153	11.0006	Nồi cơm điện (Model, nhãn hiệu, dung tích, xuất xứ...)	Nồi cơm điện (Nhãn hiệu Sharp, ModelKS-N181ETV"SL", xuất xứ: Thái Lan; Dung tích: 1,8l)	đ/chiếc	Giá bán lẻ	990.000	990.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart.
154	11.0007	Lò vi sóng, (Model, nhãn hiệu, công suất, dung tích,, xuất xứ...)	Lò vi sóng Sharp, model 678VN (S), công suất 800/1000W; dung tích 20l; xuất xứ Thái Lan	đ/chiếc	Giá bán lẻ	1.490.000	1.490.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart.
155	12.0001	Máy điện thoại cố định loại thường, (hiệu, model, xuất xứ....)	Máy điện thoại cố định loại thường, Panasonic KX-TS820	đ/chiếc	Giá bán lẻ	490.000	490.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart;
156	12.0002	Máy ảnh kỹ thuật số, (nhãn hiệu, quy cách, xuất xứ...)	Máy ảnh Sony DSC-W830B, Độ phân giải >= 14 Mp	đ/chiếc	Giá bán lẻ	3.790.000	3.790.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá niêm yết tại siêu thị Media Mart